TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2025/DS-ST Ngày: 25-4-2025 V/v tranh chấp: "Hợp đồng uỷ quyền".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Ông Nguyễn Vũ Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông Tô Minh Phú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng uỷ quyền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Thông báo xét xử sơ thẩm số 149/TBXX-ST ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Cao Thị N**; sinh năm: 1961. ĐKTT: 292 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0364.701.131. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Đinh Thế H**; sinh năm: 1976. ĐKTT: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở: A Lô A, Số A đường L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 092.678.2378. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1963. ĐKTT: 292 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3.2 Ông **Huỳnh Hữu T1**; sinh năm: 1990. Địa chỉ: 2 đường Số H, Khu C,

Khu vực 4, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0939.731.689. Vắng mặt.

3.3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T2**; sinh năm: 1967. ĐKTT: 230 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ của ông Nguyễn Văn B, số B khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0931.460.230. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.4. **Văn phòng C**. Địa chỉ: 3 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Đại diện uỷ quyền: ông Trần Văn T3; sinh năm: 1989. Địa chỉ: G Đường Số A, Khu dân cư V, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 12/10/2023). Vắng mặt.

3. 5. **Văn phòng C1**. Địa chỉ: C đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Cao Thị N cho rằng:

Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà. Trong thời gian bà không sống cùng nhà với ông T, do ông T cần vay tiền nên lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 do ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017 đối với quyền sử dụng đất diện tích 969m^2 (CLN + ODT) thuộc thửa 1415, tờ bản đồ số 03 toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ là tài sản chung của vợ chồng ông bà để đi vay tiền của ông Đinh Thế H nhưng không có sự đồng ý của bà và bà cũng không có ký tên vào hợp đồng uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn T giao dịch đối với quyền sử dụng đất này.

Tuy nhiên, sau này bà biết được là sau khi ông T ký tên vào Hợp đồng uỷ quyền với ông Đinh Thế H tại phòng công chứng thì ông H lấy giấy chứng nhận đi và nói rằng đã chuyển tiền vào tài khoản cho ông T nhưng cho đến nay ông T vẫn không nhận được tiền vay đồng nào.

Nay bà khởi kiện:

Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng uỷ quyền của bà là Cao Thị N cho ông Nguyễn Văn T ngày 09/8/2023, số công chứng 1033, quyển số 01/2023 tại Văn phòng C (*gọi tắt là Hợp đồng uỷ quyền số 1033*) và Hợp đồng uỷ quyền lại của bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn T cho ông Đinh Thế H ngày 10/8/2023, số công chứng 2037, quyển số 01/2023 tại Văn phòng C1 (*Gọi tắt là Hợp đồng uỷ quyền lại số 2037*) liên quan đến quyền sử dụng đất diện tích 969m^2 (CLN + ODT) thửa 1415, tờ bản đồ số 03 toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017, là vô hiệu.

Và yêu cầu ông Đinh Thế H phải giao trả lại cho bà bản chính giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số H00008 do ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017. Nếu sau 01 tháng mà ông Đinh Thế H không giao trả thì yêu cầu cho bà đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đinh Thế H vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T cho rằng:

Do trước đó ông canh tác rau màu bị thua lỗ vì vậy ông cần vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để trả nợ nên bà Nguyễn Thị Thu T4 có giới thiệu ông Huỳnh Hữu T1 cầm bằng khoán cho ông vay tiền.

Tuy nhiên, do vợ ông là bà Cao Thị N không chịu ký tên nên sau đó, ông Huỳnh Hữu T1 giới thiệu ông vay của ông Đinh Thế H bằng hình thức ra công chứng ký hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng chuyển nhượng.

Sau khi ông ký uỷ quyền tại Văn phòng C1 và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Thế H thì ông Đinh Thế H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đi khỏi, còn ông T1 ở lại và kêu ông bước ra ngoài phòng công chứng, ông T1 sẽ chuyển tiền vào tài khoản của ông để ông ra cây tiền ATM nào rút cũng được.

Tuy nhiên, sau đó ông kiểm tra điện thoại 02 lần nhưng chưa thấy tin nhắn chuyển tiền nên hỏi ông T1 thì ông T1 nói là kẹt mạng không chuyển được. Ông T1 nói để khoảng bốn giờ chiều sẽ đưa ông 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và làm giấy tờ luôn nhưng sau đó ông T1 và ông H không giao tiền cho đồng nào. Từ đó, ông không còn liên lạc được với ông T1 nữa, còn ông H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông trốn đi mất.

Hai hợp đồng uỷ quyền này do ông H, ông T1 làm sẵn ở phòng công chứng và kêu ông đến Phòng C2 để ký, ông không có xem rõ nội dung. Ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có ký tên một lần duy nhất tại Văn phòng C1, còn vợ ông là bà Cao Thị N không có ký hợp đồng nào cả.

Nay trong vụ kiện này, ông thống nhất với yêu cầu và ý kiến của vợ ông là bà Cao Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Hữu T1 cho rằng:

Ông có giới thiệu ông Đinh Thế H cho ông Nguyễn Văn T vay tiền, các bên có ra Phòng công chứng ký hợp đồng uỷ quyền và ông T có giao giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Thế H nhưng ông không biết ông H có giao tiền cho ông T hay không. Trong vụ kiện này, ông chỉ là người môi giới cho ông H với ông T, sau khi ký hợp đồng công chứng xong thì ông H có cho ông tiền hoa hồng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Hiện nay ông không liên lạc được với ông Đinh Thế H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T2 cho rằng:

Bà chỉ là người giới thiệu ông Nguyễn Văn T cho ông Huỳnh Hữu T1. Sau đó, các bên giao dịch với nhau, bà không còn liên quan gì nên bà không biết ai người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Trong vụ kiện này, bà thống nhất yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy:

Căn cứ kết luận giám định thì chữ viết, chữ ký trong hợp đồng uỷ quyền giữa bà N với ông T được xác định là không phải chữ ký, chữ viết của bà N nên lời trình bày của bà N và ông T là có cơ sở; vì vậy hợp đồng uỷ quyền giữa bà N với ông T là vô hiệu nên hợp đồng uỷ quyền lại giữa ông T với ông H cũng bị vô hiệu. Ngoài ra, đối với hợp đồng uỷ quyền lại ngày 10/8/2023 giữa ông T với ông H tại Văn phòng C1 chỉ có thời hạn uỷ quyền một năm, đến nay thời hạn uỷ quyền giữa ông T cho ông H đã hết nên đương nhiên chấm dứt theo Điều 140 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với việc ông Nguyễn Văn T trình bày rằng ông T ký hợp đồng uỷ quyền để vay 100.000.000đ nhưng chưa nhận tiền; do bị đơn ông H vắng mặt nên không có cở sở để xem xét việc vay tiền.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 117, 122, 140 Bộ luật Dân sự năm 2015; xét thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp "Hợp đồng uỷ quyền" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng**:

[2.1] ***Xét về quyền sử dụng đất diện tích 969m² (CLN + ODT) thửa 1415, tờ bản đồ số 03 toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận đăng ký chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017***; Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tài sản do ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng của

vợ chồng ông Lê Ngọc N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T5 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/6/2017, trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Cao Thị N nên đây được xác định là tài sản chung của vợ chồng bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn T. Do đó, việc giao dịch, định đoạt tài sản chung của vợ chồng cần phải có sự đồng ý bằng văn bản của cả hai vợ chồng là bà N và ông T. Tuy nhiên, ông T cũng thừa nhận rằng việc ông đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay tiền bằng hình thức ký hợp đồng uỷ quyền với ông H thì vợ ông là bà Cao Thị N không biết và cũng không có ký tên vào hợp đồng.

[2.2] ***Tại Kết luận giám định số 163/KL-KTHS-TL ngày 02/12/2024 của Phòng K Công an thành phố C***, đã kết luận chữ ký, chữ viết mang họ tên Cao Thị N trong Hợp đồng uỷ quyền của bà Cao Thị N cho ông Nguyễn Văn T ngày 09/8/2023, số công chứng 1033, quyển số 01/2023 tại Văn phòng C: không phải là chữ viết, chữ ký của bà Cao Thị N. Do đó, có cơ sở xác định lời trình bày của ông T và bà N về việc bà N không có ký tên vào hợp đồng uỷ quyền cho ông T được thực hiện quyền đối với quyền sử dụng đất thửa 1415 là có cơ sở.

Do bà N không có ký tên vào Hợp đồng uỷ quyền số 1033 cho ông T nên Hợp đồng uỷ quyền số 1033 là vô hiệu; vì vậy, dẫn đến Hợp đồng uỷ quyền lại số 2037 giữa ông Nguyễn Văn T với ông Đinh Thế H cũng bị vô hiệu. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hai hợp đồng này bị vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với việc ông T cho rằng từ khi ông ký hợp đồng uỷ quyền và giao giấy chứng nhận cho ông Đinh Thế H thì ông Đinh Thế H và ông Huỳnh Hữu T1 không có giao cho ông đồng nào. Thấy rằng:

Ông Huỳnh Hữu T1 cho rằng ông T1 chỉ người môi giới cho ông T cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của ông H nên việc ông H có giao tiền cho ông T hay chưa thì ông không biết.

Còn phía bị đơn là ông Đinh Thế H vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc giao nhận tiền giữa ông H với ông T (nếu có) hay các chứng cứ liên quan đến việc ông H đã thực hiện công việc uỷ quyền thay mặt ông T đứng ra giao dịch tài sản được uỷ quyền là quyền sử dụng đất thửa 1415 với người khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Cái Răng đã thực hiện các thủ tục thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đinh Thế H theo đúng quy định như: Đăng tin tìm kiếm ông Đinh Thế H trên phương tiện thông tin đại chúng B1 từ ngày 29- 31/10/2024; Đài Truyền hình V từ ngày 08-11/11/2024, Cổng thông tin điện tử của Toà án nhân dân Tối cao và thực hiện thủ tục niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông Đinh Thế H; Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và Trụ sở Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Do đó, nếu sau này ông Đinh Thế H có tranh chấp về việc giao nhận tiền với ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Hữu T1 hay những người khác có giao dịch quyền sử dụng đất thửa 1415 với ông Đinh Thế H căn cứ theo Hợp đồng uỷ quyền đã ký giữa ông Nguyễn Văn T với ông Đinh Thế H thì các bên có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu ông Đinh Thế H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu sau thời hạn 01 tháng mà ông H không giao trả thì xin được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như trên đã lập luận: do hợp Hợp đồng uỷ quyền số 1033 và Hợp đồng uỷ quyền lại số 2037 bị vô hiệu nên các giao dịch ông Đinh Thế H thực hiện theo công việc trong Hợp đồng uỷ quyền số 1033 và Hợp đồng uỷ quyền lại số 2037 đối với quyền sử dụng đất thửa 1415 cũng bị vô hiệu. Do hợp đồng vô hiệu nên các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, cần buộc ông Đinh Thế H phải trả lại cho bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017.

Ngoài ra, theo Công văn số 741/CNVPĐKĐĐ ngày 12/9/2023 và Công văn số 97/CNVPĐKĐĐ ngày 17/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận C, thành phố Cần Thơ cung cấp thông tin về đăng ký biến động của thửa đất số 1415, tờ bản đồ số 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 đứng tên ông Nguyễn Văn T (xác nhận hoàn thành thủ tục chuyển nhượng ngày 29/6/2017) đã xác nhận là: hiện tại thửa 1415 do ông Nguyễn Văn T đứng tên, chưa ghi nhận các giao dịch khác.

Do đó, nếu sau 01 tháng kể từ ngày bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đinh Thế H không thi hành án thì kiến nghị Cơ quan chức năng có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017, đối với quyền sử dụng đất diện tích 969m^2 (CLN + ODT) (ghi chú: đất cây lâu năm 819m^2; đất ở đô thị 150m^2, chuyển mục đích tháng 03/2005) thửa 1415, TBĐ 03, toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn T đứng tên.

[3] **Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết**: tổng cộng: 6.842.000đ: bị đơn là ông Đinh Thế H phải chịu. Bà Cao Thị N đã nộp tạm ứng nên ông Đinh Thế H phải trả lại cho bà Cao Thị N 6.842.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

[4] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** theo quy định tại Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Đinh Thế H phải chịu án phí 300.000đ.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí 300.000đ; tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, 161, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 117, 122, 123, 131, Khoản 2 Điều 213, Điều 562 Bộ luật Dân sự.

- Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Cao Thị N.

Tuyên bố: Hợp đồng uỷ quyền của bà Cao Thị N cho ông Nguyễn Văn T ngày 09/8/2023, số công chứng 1033, quyển số 01/2023 tại Văn phòng C và Hợp đồng uỷ quyền lại của bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn T cho ông Đinh Thế H ngày 10/8/2023, số công chứng 2037, quyển số 01/2023 tại Văn phòng C1 đối với quyền sử dụng đất diện tích 969m^2 (CLN + ODT) thửa 1415, TBĐ 03, toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017, là vô hiệu.

Buộc ông Đinh Thế H phải giao trả lại cho bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý cho ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017.

Nếu sau 01 tháng kể từ ngày bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đinh Thế H không thi hành án thì kiến nghị Cơ quan chức năng có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00008 cấp ngày 04/3/2005, xác nhận chỉnh lý do ông Nguyễn Văn T đứng tên ngày 29/6/2017, đối với quyền sử dụng đất diện tích 969m^2 (trong đó: 819m^2 CLN + 150m^2 ODT) thửa 1415, tờ bản đồ số 03, toạ lạc tại khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn T đứng tên quyền sử dụng đất này. Bà Cao Thị N, ông Nguyễn Văn T tự liên hệ với Cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

2. **Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết**: tổng cộng: 6.842.000đ: bị đơn là ông Đinh Thế H phải chịu. Bà Cao Thị N đã nộp tạm ứng nên ông Đinh Thế H phải trả lại cho bà Cao Thị N 6.842.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

3.1 Ông Đinh Thế H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

3.2 Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên toà, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà; các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. Cái Răng;
- Chi cục T.H.A Q. Cái Răng;
- UBND quận Cái Răng;
- CNVPĐKĐĐ Q. Cái Răng;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thuỳ Trang